

Bản án số: 935/2019/DS-PT

Ngày: 22/10/2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền.

Bà Bùi Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn là Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 9 năm 2019, ngày 17 tháng 10 năm 2019 và ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 253/2019/DSPT, ngày 20/5/2019 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST, ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3763/2019/QĐ-PT, ngày 27/8/2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 7612/2019/QĐPT-DS, ngày 24/9/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 8255/2019/QĐ-PT, ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Thiên A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 24/19 đường D, phường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L sinh năm 1973.

Địa chỉ: Căn hộ số 1601, Tháp V, chung cư S Số 23 đường T, phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Vy Trọng T, sinh năm 1988.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nguyên đơn ông Hồ Thiên A trình bày:

Vào tháng 6 năm 2015, khi còn là nhân viên tín dụng tại Ngân hàng C, phòng giao dịch Phú Nhuận ông có quen biết với bà Huỳnh Thị Kim L do bà là khách hàng của Ngân hàng C. Quá trình giao dịch bà L có đề nghị ông hợp tác để đáo hạn, giải chấp tài sản ở các ngân hàng khác nhau. Ông A đồng ý hợp tác với bà L và sử dụng tiền cá nhân của ông đưa bà L, mỗi lần ông đưa tiền thì bà L đều viết giấy vay tiền và đưa cho ông để làm tin. Thời gian thực hiện giao dịch không quá 10 ngày, bà L chia cho ông 0.27%/ngày/tổng số tiền góp.

Thời gian đầu giao dịch thành công theo thỏa thuận, nhưng kể từ giao dịch ngày 12/8/2016 cho đến hết năm 2016 thì bà L không còn trả cho ông A bất cứ khoản tiền gốc hay lãi nào nữa, căn cứ vào các tờ giấy vay tiền thì ông A đã đưa cho bà L tổng số tiền là 12.190.000.000 đồng và riêng khoản vay 250.000.000 đồng ngày 04/11/2016 đã thất lạc giấy vay tiền. Trong suốt năm 2017 ông A đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà L hoàn trả lại tiền gốc cho ông nhưng bà L đã viện nhiều lý do để không trả nợ. Chính vì vậy ông A khởi kiện yêu cầu Bà L trả tiền nợ gốc nêu trên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ lãi là 3.047.500.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 8 năm 2016 đến ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Thời hạn trả: 01 (một) lần trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vy Trọng T trình bày:

Nguyên trước đây do cần tiền làm ăn nên bà L có vay của ông Hồ Thiên A một số tiền. Mỗi lần vay tiền, bà L đều trả đủ cho ông A, tuy nhiên từ năm 2017, do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên bà L không có tiền để tiếp tục trả cho ông A.

Việc ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Huỳnh Thị Kim L phải trả số tiền vay từ ngày 12/8/2016 đến ngày 04/12/2016 với tổng số tiền là 12.190.000.000 đồng (Mười hai tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng) cùng tiền lãi phát sinh là không phù hợp với thực tế bởi trong tổng số 11 giấy vay tiền mà bà L ký với ông Hồ Thiên A thì chỉ có một phần là tiền nợ gốc, còn lại là tiền lãi. Thông thường, tất cả các giao dịch giữa bà L và ông A đều thực hiện thông qua tài khoản ngân hàng. Do đó, chỉ những giao dịch nào mà ông A chuyển tiền qua Ngân hàng cho bà L thì mới là tiền vay thật, còn lại đều là tiền lãi phát sinh từ các khoản vay. Trong tổng số tiền nợ gốc ông A yêu cầu, bà L chỉ thừa nhận có vay của ông A số tiền là 5.140.000.000 đồng.

Trong số tiền này, bà L đã trả được 3.405.800.000 đồng. số tiền nợ gốc bà L còn thiếu ông A là 1.734.200.000 đồng. Do gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, bà L đề nghị được trả 5.000.000 đồng/tháng đến khi trả xong toàn bộ số tiền này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST, ngày 27/3/2019 Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hồ Thiên A về việc:

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Kim L thanh toán cho Ông Hồ Thiên A số tiền 14.449.000.000 đ (mười bốn tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng) trong đó 11.940.000.000 đồng nợ gốc và 2.509.000.000 đồng nợ lãi.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Thiên A buộc bà Huỳnh Thị Kim L thanh toán số tiền nợ 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) vay ngày 04/11/2016, không có giấy vay tiền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ dân sự do chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/4/2019 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, mặc dù số liệu của các bên đưa ra có sự chênh lệch, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tổng cộng là 12.190.000.000đ và các khoản lãi, bị đơn chỉ thừa nhận khoản tiền vay của nguyên đơn là 5.140.000.000đ và bà L đã thanh toán được 3.405.800.000đ chỉ còn nợ 1.734.200.000đ. Số tiền chênh lệch lớn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành đối chất giữa đôi bên, vi phạm Khoản 1 Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tất cả các khoản vay đều không có thời hạn trả nợ, tuy nhiên, trước khi khởi kiện, nguyên đơn chưa thông báo việc thực hiện nghĩa vụ với thời gian

hợp lý cho bị đơn theo Khoản 3 Điều 278 Bộ luật dân sự, nên thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo Khoản 1 Điều 192 và phải Đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm g, Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Phía bị đơn cũng không thừa nhận khoản tiền vay của bị đơn đối với nguyên đơn vì trong toàn bộ 11 giấy vay tiền không có các ủy nhiệm chi đính kèm theo thỏa thuận giữa đôi bên, chứng tỏ đây chỉ là các khoản lãi phát sinh tại các khoản vay mà bị đơn đã thừa nhận.

Do những sai phạm nêu trên nên bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Quận H xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày ý kiến về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Lý do kháng cáo của bị đơn về thủ tục đối chất thì tại các phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm đôi bên cũng đã trình bày với nhau về các yêu cầu hay phản yêu cầu, đôi bên cũng có phản bác yêu cầu của nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm không cần thiết phải lập một biên bản riêng về đối chất. Còn các lý do kháng cáo khác của bị đơn đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết đúng theo quy định pháp luật. Chính vì vậy, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với khoản vay 250.000.000 đồng ngày 04/11/2016 bị khấu trừ vào 11 khoản vay có giấy nhận nợ là không đúng. Tuy nhiên, nguyên đơn không kháng cáo và đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết khách quan của vụ án, căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 9.100.000.000đ (chín tỷ một trăm triệu đồng), do tính từ ngày 12/8/2016 trở về sau phía nguyên đơn cho rằng bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn nữa. Nhưng theo số liệu có trong hồ sơ vụ án thì kể từ ngày 12/8/2016 nguyên đơn có chuyển cho bị đơn 7.940.000.000đ thông qua 14 ủy nhiệm chi, cộng với số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được tính kể từ ngày 04/12/2016 đến ngày 18/3/2019 là 1.610.000.000đ tổng cộng là 9.100.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, ý kiến của Viện kiểm sát

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[2] Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Chính vì vậy Tòa phúc thẩm sẽ xem xét toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

[3] Theo sự thừa nhận của nguyên đơn tại phiên tòa và trong hồ sơ vụ án thì từ năm 2015, giữa ông A và bà L có sự thỏa thuận về việc vay mượn tiền theo đó ông A cho bà L vay tiền theo lãi suất 0,27%/ngày, thời hạn vay không quá 10 ngày, với mục đích để bà L giải chấp các hồ sơ vay tại các ngân hàng khác. Thỏa thuận của các bên có đủ các điều kiện về giao dịch dân sự được quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015) nên có hiệu lực thi hành.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng các hợp đồng vay của đôi bên đều không có kỳ hạn và có lãi nhưng nguyên đơn không thực hiện quy định về thủ tục báo trước nên không đủ điều kiện thụ lý vụ án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Quận H tiến hành việc báo trước với thời gian hợp lý. Tòa án xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 23/01/2019 và tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/01/2019 phía nguyên đơn đã trình bày về thời hạn thanh toán cho mỗi lần vay là không quá 10 ngày, phía bị đơn không có ý kiến phản đối. Như vậy, theo Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết sự kiện mà nguyên đơn không cần phải chứng minh, yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm để nguyên đơn thực hiện thủ tục báo trước là không có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vy Trọng T thừa nhận chữ ký và chữ viết trong 11 giấy vay tiền là của bà L nhưng thông thường, tất cả các giao dịch giữa bà L và ông A đều thực hiện thông qua tài khoản ngân hàng. Do đó, chỉ những giao dịch nào mà ông A chuyển tiền qua Ngân hàng cho bà L thì mới là tiền vay thật, còn lại đều là tiền lãi phát sinh từ các khoản vay. Do đó, trong tổng số tiền nợ gốc ông A yêu cầu, bà L chỉ thừa nhận có vay của ông A số tiền là 5.140.000.000 đồng. Trong số tiền này, bà L đã trả được 3.405.800.000 đồng, số tiền nợ gốc bà L còn thiếu ông A là 1.734.200.000 đồng.

[6] Qua xem xét 22 giấy nộp tiền của bà L vào tài khoản cho ông A thì các giấy nộp tiền của bà L có ghi nhận thanh toán cho ông A các khoản tiền vay ở những ngày vay cụ thể. Đối chiếu ngày vay được ghi nhận qua 22 giấy nộp tiền của bà L này là các ủy nhiệm chi tương ứng của ông A chuyển cho bà L, thì có thể xác định tổng số tiền mà ông A đã chuyển khoản cho bà L là 10.240.000.000đ (mười tỷ hai bốn mươi triệu đồng), tổng số tiền mà bà L đã

thanh toán cho ông A là 7.323.700.000đ (bảy tỷ ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng), như vậy, số tiền còn lại là 2.916.300.000đ (hai tỷ chín trăm mười sáu triệu ba trăm ngàn đồng). Do các số liệu mà bà L đưa ra không khớp với số liệu như đã trình bày tại mục [5], nên Tòa án không công nhận khoản nợ gốc còn lại của bà L đối với ông A là 1.734.200.000 đồng.

[7] Qua đối chiếu 11 giấy vay tiền có các ủy nhiệm chi đính kèm của nguyên đơn và 22 giấy nộp tiền của bà L vào tài khoản của ông A, thì toàn bộ các khoản tiền mà bà L đã thanh toán không có khoản thanh toán nào trùng khớp với ngày phát sinh 11 khoản vay mà ông A yêu cầu thanh toán. Phía bà L cũng không có chứng cứ nào thể hiện bà đã thanh toán khoản vay này, cũng như các chứng cứ thể hiện khoản tiền vay này phát sinh từ các khoản tiền lãi như bên bị đơn trình bày. Chính vì vậy, Tòa án xem xét khoản nợ theo giấy vay tiền của bị đơn đối với nguyên đơn xác định số tiền vay cụ thể như sau:

Ngày 12/8/2016 vay 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng);

Ngày 24/8/2016 vay 600. 000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Ngày 01/9/2016 vay 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng);

Ngày 09/9/2016 vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

Ngày 21/9/2016 vay 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng);

Ngày 30/9/2016 vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng);

Ngày 13/10/2016 vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng);

Ngày 26/10/2016 vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Ngày 27/10/2016 vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng);

Ngày 05/11/2016 vay 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng);

Ngày 04/12/2016 vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng);

Tổng cộng: 12.700.000.000đ (mười hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Theo thừa nhận của nguyên đơn, trong số các khoản vay trên bà L mới trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc, như vậy bà L còn nợ nguyên đơn số tiền 12.150.000.000 đồng (Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận có sai sót trong việc cộng số liệu trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm là 40 triệu đồng, nhưng phía Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy khoản vay 250.000.000 đồng ngày 04/11/2016 (không có giấy vay tiền và không được bị đơn thừa nhận) không liên quan tới 11 khoản tiền vay này mà trừ luôn vào 11 khoản nợ trên gây thiệt thòi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm, số tiền chênh lệch nguyên đơn không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm trừ khoản vay 250.000.000 đồng ngày 04/11/2016 vào 11 khoản tiền vay nêu trên là không đúng, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết nên có lợi cho phía bị

đơn, Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận, giữ nguyên số liệu mà cấp sơ thẩm đã ghi nhận khoản nợ gốc của bị đơn đối với nguyên đơn là 11.940.000.000đ (mười một tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng)

[8] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp (mục [3]), thời hạn thanh toán đã hết (mục [4]). Căn cứ Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc là 11.940.000.000 đồng là có căn cứ.

[9] Xét về số nợ lãi: Ngày 30 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi trên số tiền gốc 12.190.000.000 đồng với lãi suất 9%/năm kể từ ngày 04/12/2016 đến ngày 18/3/2019 là 3.047.500.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông A chỉ yêu cầu bà L thanh Toán tiền lãi đến ngày xử sơ thẩm là 2.509.000.000 đồng. Đây là hợp đồng vay tài sản có lãi, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là hợp đồng vay không có lãi là chưa đúng, cần rút kinh nghiệm. Do đó, theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

“Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau: ...

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau: ...

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi kể từ khoản vay cuối cùng là ngày 05/12/2016 và theo lãi suất cơ bản 9%/năm, lãi suất phù hợp Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cơ bản nên được Tòa án ghi nhận. Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi từ ngày 05/12/2016 đến ngày 27/3/2019 là 873 ngày trên số tiền nợ gốc là 11.940.000.000 đồng với lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán 9%/năm số tiền lãi sẽ là 2.543.905.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông A chỉ yêu cầu bà L thanh toán cho ông A số tiền lãi là 2.509.000.000 đồng. Xét yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[10] Từ các nhận định tại mục [8] và mục [9] Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 11.940.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.509.000.000

đồng tổng cộng 14.449.000.000 đồng (mười bốn tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng) là đúng, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[11] Về thời hạn trả nợ: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả làm một lần số tiền nợ gốc và tiền lãi trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận, bà Huỳnh Thị Kim L đề nghị trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng cho đến khi trả hết nợ là không phù hợp với nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[12] Do kháng cáo của bị đơn không được tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và nguyên đơn phải chịu án phí theo bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hồ Thiên A về việc:

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Kim L thanh toán cho Ông Hồ Thiên A số tiền 14.449.000.000 đồng (mười bốn tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng) trong đó 11.940.000.000 đồng nợ gốc và 2.509.000.000 đồng nợ lãi. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Thiên A buộc bà Huỳnh Thị Kim L thanh toán số tiền nợ 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); vay ngày 04/11/2016.

1.3. Kể từ ngày ông Hồ Thiên A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Thị Kim L chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất

phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim L chịu 122.449.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Ông Hồ Thiên A phải chịu 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0024969, ngày 22 tháng 12 năm 2017 và AA/2017/ 0026260, ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại ông Hồ Thiên A số tiền 49.118.750 đồng (Bốn mươi chín triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do bà Huỳnh Thị Kim Liên nộp, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Vy Trọng T nộp thay bà L, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0026980, ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận H (2);
- Chi cục THA Dân sự Quận H (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu (25b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Liên Minh